

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2019
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/06/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 31 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300319.048/BCTC.KT2 ngày 30 tháng 03 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty, cụ thể như sau:

Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mỳ đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Điều này dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế chưa phản ánh các năm giảm đi tương ứng. Cụ thể như sau:

- Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội lũy kế đến 31/12/2019 là 4,09 tỷ đồng (bao gồm: Khấu hao của năm 2019, năm 2018 và khấu hao của các năm tài chính trước lần lượt là 298,49 triệu đồng, 437,83 triệu đồng và 3,35 tỷ đồng).
- Khấu hao ghi nhận thiếu trong năm 2018 của dây chuyền bánh mỳ là 3,32 tỷ đồng.

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 giảm đi tương ứng 7,11 tỷ đồng và 7,41 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 437,83 triệu đồng và chỉ tiêu "Chi phí khác" - Mã số 32 tăng lên 3,32 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 298,49 triệu đồng.

Các khoản vay

Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu năm và cuối năm tài chính. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2019, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền 15,21 tỷ đồng và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" sẽ giảm đi số tiền tương ứng; tại ngày 31/12/2019, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền 7,61 tỷ đồng và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		376.806.927.029	362.803.351.227
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.433.119.462	70.742.206.079
111	1. Tiền		31.433.119.462	64.542.206.079
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		229.422.723.938	169.755.951.044
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	176.764.225.019	140.296.529.235
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	31.993.029.097	20.393.456.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.665.469.822	9.065.965.625
140	IV. Hàng tồn kho	7	92.616.754.202	101.652.093.710
141	1. Hàng tồn kho		92.616.754.202	101.652.093.710
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.334.329.427	20.653.100.394
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.065.274.554	288.764.343
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.277.538.231	20.364.336.051
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	991.516.642	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		373.271.767.162	348.280.501.159
220	II. Tài sản cố định		300.455.535.103	123.531.730.036
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	282.189.384.400	113.078.951.142
222	- Nguyên giá		458.965.886.035	272.292.177.983
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.776.501.635)	(159.213.226.841)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	18.166.451.210	10.213.998.557
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	10.271.060.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.196.387.706)	(57.061.443)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	99.699.493	238.780.337
228	- Nguyên giá		1.312.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.213.217.307)	(1.074.136.463)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	68.738.053.602	221.262.619.127
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		68.738.053.602	221.262.619.127
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.078.178.457	3.486.151.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.078.178.457	3.486.151.996
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		750.078.694.191	711.083.852.386

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		525.218.510.658	528.100.310.983
310	I. Nợ ngắn hạn		372.272.049.615	360.006.328.530
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	169.829.679.875	179.421.972.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		378.995.421	788.648.624
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.367.707.168	4.179.033.359
314	4. Phải trả người lao động		9.696.596.924	4.469.927.384
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	16.956.867.809	4.205.878.189
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.189.738.369	3.976.785.455
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	170.363.278.750	162.079.407.872
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.489.185.299	884.674.799
330	II. Nợ dài hạn		152.946.461.043	168.093.982.453
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	152.946.461.043	168.093.982.453
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		224.860.183.533	182.983.541.403
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	224.860.183.533	182.983.541.403
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	100.073.120.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.295.340.000	100.073.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	8.085.558.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		57.989.979.087	57.106.905.302
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.263.383.528	14.269.811.183
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	490.181.195
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.263.383.528	13.779.629.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		750.078.694.191	711.083.852.386

Khúc Thị Minh Phương
Người lậpHà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	839.311.486.941	769.900.417.894
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.939.862.919	2.005.125.754
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		837.371.624.022	767.895.292.140
11	4. Giá vốn hàng bán	22	687.463.977.398	656.356.317.797
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.907.646.624	111.538.974.343
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	113.408.828	387.397.197
22	7. Chi phí tài chính	24	15.004.786.486	10.508.756.761
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.333.639.666	9.652.571.818
25	8. Chi phí bán hàng	25	76.151.632.664	53.225.265.594
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37.845.450.264	31.416.386.324
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.019.186.038	16.775.962.861
31	11. Thu nhập khác	27	231.502.554	674.670.651
32	12. Chi phí khác	28	1.332.678.479	63.523.737
40	13. Lợi nhuận khác		(1.101.175.925)	611.146.914
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.918.010.113	17.387.109.775
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.654.626.585	3.607.479.787
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15.263.383.528</u>	<u>13.779.629.988</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.500	1.377

Khúc Thị Minh Phương
Người lậpHà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		867.774.601.348	826.929.041.890
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(744.711.479.619)		(732.140.590.466)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(70.624.196.158)		(59.776.028.287)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(14.197.643.674)		(9.566.431.577)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.224.376.564)		(2.579.619.068)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.024.478.883		727.397.924
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(53.849.233.488)		(48.889.597.558)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(20.807.849.272)		(25.295.827.142)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(39.877.139.735)		(154.680.153.704)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	136.363.636		27.272.727
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	113.408.828		385.031.279
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(39.627.367.271)		(154.267.849.698)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay	604.218.965.193		747.638.655.101
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(567.392.931.932)		(525.532.364.983)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(3.689.687.793)		(1.479.422.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(12.001.316.520)		(12.008.774.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	21.135.028.948		208.618.093.718
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(39.300.187.595)		29.054.416.878

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.742.206.079	41.685.423.283
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.899.022)	2.365.918
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	31.433.119.462	70.742.206.079


Khúc Thị Minh Phương
Người lập


Hà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2019***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mĩ ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ

Hung Yên

Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất thực phẩm

Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí tiêu thụ sản phẩm... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu là doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng chậm trả;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.172.993.709	6.200.193.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.260.125.753	58.342.012.556
Các khoản tương đương tiền	-	6.200.000.000
	31.433.119.462	70.742.206.079

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Phát hành báo chí Trung Ương	186.695.733	-	50.255.400.000	-
Đại lý Lê Văn Đạo	13.000.000	-	15.897.000.000	-
Đại lý Hoàng Thị Hiên	10.738.094.919	-	12.425.888.693	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	13.518.878.823	-	7.341.691.273	-
Công ty Cổ Phần chuyên bán buôn Batos	8.157.338.507	-	4.485.688.769	-
Công ty TNHH SXTMDV Tiến	5.209.673.077	-	1.613.573.959	-
Công ty TNHH Thực phẩm dầu khí Thái Bình	4.705.083.646	-	1.994.484.501	-
Phải thu khách hàng khác	134.235.460.314	-	46.282.802.040	-
	176.764.225.019	-	140.296.529.235	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	3.537.840.346	-	1.768.170.477	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	14.739.466.457	-	-	-
Công ty CP mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.958.442.700	-	2.248.687.200	-
Ban Quản Lý KKT Đông Nam Nghệ An	3.602.750.000	-	3.602.750.000	-
Công ty TNHH DV TM Đầu tư Gia Trung	-	-	2.557.847.840	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.692.369.940	-	9.984.171.144	-
	31.993.029.097	-	20.393.456.184	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	21.697.909.157	-	4.248.687.200	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	13.309.329.121	-	4.785.763.634	-
Ký cược, ký quỹ	3.136.876.000	-	1.525.422.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	4.219.264.701	-	2.754.779.991	-
	20.665.469.822	-	9.065.965.625	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.624.377.380	-	84.929.661.882	-
Công cụ, dụng cụ	2.567.965.894	-	827.226.335	-
Thành phẩm	24.081.504.257	-	15.628.751.458	-
Hàng hoá	342.906.671	-	266.454.035	-
	92.616.754.202	-	101.652.093.710	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	68.738.053.602	221.262.619.127
- Công trình dự án tại nhà máy Hưng Yên	22.962.803.617	44.531.641.015
- Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An ⁽¹⁾	13.676.359.470	141.861.432.685
- Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi ⁽²⁾	17.216.924.727	20.216.924.727
- Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy Hải Châu III tại Trà Vinh	-	16.633.273
- Dự án nhà máy tại Vĩnh Long	358.164.987	112.186.626
	68.738.053.602	221.262.619.127

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:**(1) Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An**

Dự án được cấp phép đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7085668383 do Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09 tháng 03 năm 2018. Với các thông tin chi tiết sau:

- Mục tiêu dự án: Phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, hợp lý hóa sản xuất, tiêu thụ; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và công ty;
- Diện tích đất sử dụng: 5 ha;
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 360,275 tỷ đồng;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2019: dự án đã tạm tăng tài sản ở giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng tại ngày 31/12/2019, phần chi phí chưa ghi nhận tăng tài sản là các chi phí chung của dự án sẽ được Công ty điều chỉnh khi có kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

(2) Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi:

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa) phục vụ công việc triển khai dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng.

Chi phí ghi nhận đến thời điểm 31/12/2019 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Báo cáo tài chính

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	113.927.490.799	142.944.341.689	14.232.115.141	1.188.230.354	272.292.177.983
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	85.666.229.500	101.769.445.825	-	-	187.435.675.325
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(761.967.273)	-	(761.967.273)
Số dư cuối năm	199.593.720.299	244.713.787.514	13.470.147.868	1.188.230.354	458.965.886.035
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	48.003.752.243	103.070.396.695	7.159.705.476	979.372.427	159.213.226.841
- Khấu hao trong năm	6.712.024.633	10.122.757.419	1.121.624.827	114.846.075	18.071.252.954
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(507.978.160)	-	(507.978.160)
Số dư cuối năm	54.715.776.876	113.193.154.114	7.773.352.143	1.094.218.502	176.776.501.635
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	65.923.738.556	39.873.944.994	7.072.409.665	208.857.927	113.078.951.142
Tại ngày cuối năm	144.877.943.423	131.520.633.400	5.696.795.725	94.011.852	282.189.384.400

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.311.508.843 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 là 19.362.838.916 đồng và 1.196.387.706 đồng. Khấu hao trong năm là 1.139.326.263 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	865.940.631	208.195.832	1.074.136.463
- Khấu hao trong năm	107.126.676	31.954.168	139.080.844
Số dư cuối năm	973.067.307	240.150.000	1.213.217.307
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	205.326.169	33.454.168	238.780.337
Tại ngày cuối năm	98.199.493	1.500.000	99.699.493

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.065.274.554	271.150.205
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	17.614.138
	2.065.274.554	288.764.343
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định	1.059.611.649	1.881.591.924
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.018.566.808	1.604.560.072
	4.078.178.457	3.486.151.996

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	13.016.542.811	13.016.542.811	52.417.750.675	52.417.750.675
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	145.145.050.209	145.145.050.209	96.094.897.797	96.094.897.797
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30.7	7.285.903.509	7.285.903.509	5.133.256.901	5.133.256.901
Phải trả các đối tượng khác	4.382.183.346	4.382.183.346	25.776.067.475	25.776.067.475
	169.829.679.875	169.829.679.875	179.421.972.848	179.421.972.848
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	158.163.143.020	158.163.143.020	148.512.648.472	148.512.648.472

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.505.900.188	32.039.710.334	34.537.127.164	991.516.642	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	248.749.275	248.749.275	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.357.479.787	4.654.626.585	6.224.376.564	-	787.729.808
Thuế Thu nhập cá nhân	-	315.653.384	1.177.344.394	913.393.998	-	579.603.780
Thuế Tài nguyên	-	-	4.704.890	4.331.310	-	373.580
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.972.202.937	3.972.202.937	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.904.359.393	1.904.359.393	-	-
	-	4.179.033.359	44.001.697.808	47.804.540.641	991.516.642	1.367.707.168

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	331.168.665	195.172.673
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	14.107.432.582	1.215.332.269
- Chi phí vận chuyển	1.646.534.747	1.132.170.947
- Chi phí phải trả khác	871.731.815	1.663.202.300
	<u>16.956.867.809</u>	<u>4.205.878.189</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	94.694.944	114.790.176
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.457.880	-
- Phải trả Công ty cổ phần Nhà Hà Nội số 07	-	3.000.000.000
- Bảo hành phải trả	-	229.789.353
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	1.159.252.911	418.054.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	908.332.634	194.151.926
	<u>2.189.738.369</u>	<u>3.976.785.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	162.079.407.872	162.079.407.872	546.168.740.562	554.154.711.688	154.093.436.746	154.093.436.746
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	19.959.529.797	3.689.687.793	16.269.842.004	16.269.842.004
	162.079.407.872	162.079.407.872	566.128.270.359	557.844.399.481	170.363.278.750	170.363.278.750
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ngân hàng	88.220.144.193	88.220.144.193	18.793.540.574	13.238.220.244	93.775.464.523	93.775.464.523
- Công ty Cổ phần Pickenza Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	45.386.131.200	45.386.131.200	5.386.135.200	39.999.996.000	10.772.270.400	10.772.270.400
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công Ty Mía Đường I	-	-	19.200.000.000	-	19.200.000.000	19.200.000.000
- Vay dài hạn cá nhân	4.599.363.060	4.599.363.060	4.599.363.060	-	9.198.726.120	9.198.726.120
- Nợ thuê tài chính dài hạn	9.888.344.000	9.888.344.000	10.071.185.797	3.689.687.793	16.269.842.004	16.269.842.004
	168.093.982.453	168.093.982.453	58.050.224.631	56.927.904.037	169.216.303.047	169.216.303.047
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(19.959.529.797)	(3.689.687.793)	(16.269.842.004)	(16.269.842.004)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	168.093.982.453	168.093.982.453			152.946.461.043	152.946.461.043

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Báo cáo tài chính

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/144344/HĐTD ngày 15/07/2019	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	69.992.533.293	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 24186.1906529907.TD ngày 11/09/2019	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân.	Theo từng giấy nhận nợ	49.006.283.216	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 130001615681 ký ngày 08/11/2018	13.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	13.491.157.275	Tài sản đảm bảo
4	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên						
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 100LBN/2019/HĐTD ngày 29/06/2019	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	21.603.462.962	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					154.093.436.746	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 1.5, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					93.775.464.523	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng					12.844.631.423	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 9523.17.065.29907.TD ngày 08/08/2017	Tối đa VND quy đổi tương đương 271,831 EUR theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân	Thanh toán chi phí nhập 01 dây chuyền sản xuất thức ăn nhanh snack và 01 máy đóng gói Comerik	Tối đa 36 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	1.730.958.948	Tài sản đảm bảo
1.2	Hợp đồng tín dụng số 19328.17.065.29907.TD ngày 20/09/2017	2.499.420.000	Thanh toán chi phí nhập 01 dây chuyền cân định lượng và đóng gói đường VFFS	48 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	911.262.000	Tài sản đảm bảo
1.3	Hợp đồng cho vay số 4913.18.065.29907.TD ngày 07/02/2018	1.109.250.000	Thanh toán bù đắp tiền khách hàng đã mua xe phục vụ hoạt động chuyển chờ cán bộ công nhân viên của Công ty	48 tháng	Lãi suất thả nổi	577.734.375	Tài sản đảm bảo
1.4	Hợp đồng cho vay số 9413.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	2.025.082.780	Thanh toán bù đắp tiền mua máy làm bánh mỳ siêu mềm theo hợp đồng ngoại số KJ9447/17/J/NT ngày 16/08/2017	48 tháng	Lãi suất thả nổi	1.143.082.780	Tài sản đảm bảo
1.5	Hợp đồng cho vay số 9370.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	1.640.100.000	Thanh toán chi phí mua 01 dây chuyền sản xuất thạch tự động mới 100% xuất xứ Đài Loan	48 tháng	Lãi suất thả nổi	738.045.000	Tài sản đảm bảo
1.6	Hợp đồng cho vay số 13342.18.065.29907.TD ngày 26/04/2018	785.400.000	Thanh toán tiền mua máy bơm kem bánh mỳ sản xuất tại Việt Nam theo Hợp đồng số 55/2018/TMTVĐT-HC ngày 28/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	392.700.000	Tài sản đảm bảo
1.7	Hợp đồng cho vay số 33244.18.065.29907.TD ngày 21/09/2018	10.734.679.200	Thanh toán bù đắp 70% giá trị dây chuyền sản xuất bánh trung thu và manju	48 tháng	Lãi suất thả nổi	7.350.848.320	Tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Báo cáo tài chính

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Hình thức đảm bảo tiền vay
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					73.430.833.100	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	20.888.656.600	Tài sản đảm bảo
2.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	52.542.176.500	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên					7.500.000.000	
3.1	Hợp đồng cho vay số 159LBN/2018/HĐCV ngày 16/11/2018	10.000.000.000	Bù đắp vốn cho Hợp đồng ngoại số 2018-0319-07/ GORRERI - HC ngày 09/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	7.500.000.000	Tài sản đảm bảo
II	Công ty Cổ phần Picezza Việt Nam					20.000.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2018/HC-PICENZA ngày 08/05/2018	20.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0%/năm trong 24 tháng đầu tiên và 12%/năm kể từ tháng thứ 25 cho đến hết thời hạn vay	20.000.000.000	Tin chấp
III	Tổng Công ty Mía đường I - CTCP					10.772.270.400	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tin chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tin chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Báo cáo tài chính**

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Hình thức đảm bảo tiền vay
IV	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công Ty Mía Đường I					19.200.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	19.200.000.000	Tin chấp
V	Các khoản vay cá nhân	9.198.726.120				9.198.726.120	
	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	9.198.726.120	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	9.198.726.120	Tin chấp

Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

(1) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2018-00238-000 ngày 21/12/2018 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 11.367.766.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy làm bánh quy, máy ép lương khô, máy sản xuất bánh mỳ, lò nướng quay...;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,76%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả tại 31/12/2019 là 7.910.675.198 đồng.

(2) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2019-0034-000 ngày 24/03/2019 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 10.071.582.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy sản xuất Cookies, dây chuyền nạp liệu và đóng gói bánh bông lan;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả tại 31/12/2019 là 8.359.166.806 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Báo cáo tài chính

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	52.029.358.328	19.529.447.299	183.165.630.545
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.779.629.988	13.779.629.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.077.546.974	(19.039.266.104)	(13.961.719.130)
Số dư cuối năm trước	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	57.106.905.302	14.269.811.183	182.983.541.403
Số dư đầu năm nay	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	57.106.905.302	14.269.811.183	182.983.541.403
Tăng vốn trong năm nay (*)	22.222.220.000	17.777.776.000	-	-	-	39.999.996.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	15.263.383.528	15.263.383.528
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	883.073.785	(14.269.811.183)	(13.386.737.398)
Số dư cuối năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	57.989.979.087	15.263.383.528	224.860.183.533

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2018	14.269.811.183
Trích Quỹ đầu tư phát triển	883.073.785
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.377.962.998
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	12.008.774.400

(*) Khoản chuyển nợ Tổng công ty mía đường I - CTPC tương ứng 2.222.222 cổ phần với giá trị 18.000 đồng/Cổ phần thành vốn góp theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 914/1/NQ-HC-HDQT và đã được đại hội cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	44,85%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	18,84%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	10,58%	12.939.360.000	12,93%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	8,54%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	12,14%	14.843.370.000	14,84%	14.843.370.000
	100%	122.295.340.000	100%	100.073.120.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	100.073.120.000
- Vốn góp đầu năm	100.073.120.000	100.073.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	22.222.220.000	-
- Vốn góp cuối năm	122.295.340.000	100.073.120.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.008.774.400	12.008.774.400
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.008.774.400	12.008.774.400
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.001.316.520)	(12.008.774.400)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(12.001.316.520)	(12.008.774.400)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	7.457.880	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	10.007.312
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	10.007.312
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	10.007.312
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	10.007.312
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	10.007.312
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	57.989.979.087	57.106.905.302
	57.989.979.087	57.106.905.302

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m2)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,0	Đến năm 2023
Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2043
Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,0	Đến năm 2057
Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,0	Đến năm 2069

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.946,12	6.347,82
- Đồng Euro (EUR)	13.525,49	410,41

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	834.623.356.936	764.784.760.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.688.130.005	5.115.657.296
	<u>839.311.486.941</u>	<u>769.900.417.894</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>3.323.767.106</u>	<u>2.264.063.165</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	1.939.862.919	2.005.125.754
	<u>1.939.862.919</u>	<u>2.005.125.754</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	687.463.977.398	656.356.317.797
	<u>687.463.977.398</u>	<u>656.356.317.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	113.408.828	385.031.279
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.365.918
	113.408.828	387.397.197

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.333.639.666	9.652.571.818
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	662.247.798	856.184.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.899.022	-
	15.004.786.486	10.508.756.761

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.479.708.342	4.233.295.706
Chi phí nhân công	15.162.732.801	11.596.767.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	554.899.057	684.279.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.182.603.245	15.376.364.465
Chi phí khác bằng tiền	45.771.689.219	21.334.557.762
	76.151.632.664	53.225.265.594

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.409.519.537	1.219.339.457
Chi phí nhân công	15.556.598.554	11.152.464.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.920.742.223	1.916.456.485
Thuế, phí, lệ phí	4.333.510.335	4.765.958.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.469.227.417	3.067.764.431
Chi phí khác bằng tiền	12.155.852.198	9.294.402.141
	37.845.450.264	31.416.386.324

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	27.272.727
Thu nhập từ cho thuê tài sản	231.502.554	647.397.924
	231.502.554	674.670.651

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	72.111.306	-
Các khoản bị phạt	1.034.315.763	49.782.292
Chi phí khác	226.251.410	13.741.445
	1.332.678.479	63.523.737

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.918.010.113	17.387.109.775
Các khoản điều chỉnh tăng	1.520.638.929	650.289.166
- Chi phí không hợp lệ	1.520.638.929	650.289.166
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.438.649.042	18.037.398.941
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	366.896.777	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.654.626.585	3.607.479.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.357.479.787	1.329.619.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.224.376.564)	(2.579.619.068)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	787.729.808	2.357.479.787

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.263.383.528	13.779.629.988
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.263.383.528	13.779.629.988
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.175.220	10.007.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.500	1.377

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	560.367.511.405	482.820.004.529
Chi phí nhân công	75.850.865.698	62.231.377.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.349.660.061	13.943.471.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.736.889.490	33.180.333.490
Chi phí khác bằng tiền	63.288.351.331	38.349.636.244
	745.593.277.985	630.524.823.073

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.433.119.462	-		70.742.206.079	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.429.694.841	-		149.362.494.860	-
	228.862.814.303	-		220.104.700.939	-
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ		323.309.739.793		330.173.390.325	
Phải trả người bán, phải trả khác		172.019.418.244		183.398.758.303	
Chi phí phải trả		16.956.867.809		4.205.878.189	
		512.286.025.846		517.778.026.817	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.433.119.462	-	-	31.433.119.462
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.429.694.841	-	-	197.429.694.841
	228.862.814.303	-	-	228.862.814.303
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.742.206.079	-	-	70.742.206.079
Phải thu khách hàng, phải thu khác	149.362.494.860	-	-	149.362.494.860
	220.104.700.939	-	-	220.104.700.939

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	170.363.278.750	130.335.627.943	22.610.833.100	323.309.739.793
Phải trả người bán, phải trả khác	172.019.418.244	-	-	172.019.418.244
Chi phí phải trả	16.956.867.809	-	-	16.956.867.809
	<u>359.339.564.803</u>	<u>130.335.627.943</u>	<u>22.610.833.100</u>	<u>512.286.025.846</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	162.079.407.872	128.704.689.927	39.389.292.526	330.173.390.325
Phải trả người bán, phải trả khác	183.398.758.303	-	-	183.398.758.303
Chi phí phải trả	4.205.878.189	-	-	4.205.878.189
	<u>349.684.044.364</u>	<u>128.704.689.927</u>	<u>39.389.292.526</u>	<u>517.778.026.817</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pickenza Việt Nam	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	3.323.767.106	2.264.063.165
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	217.045.044	359.526.639
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	1.565.841.912	1.016.462.026
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.540.880.150	888.074.500
Mua hàng hóa, vật tư	611.653.385.824	620.336.919.028
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	54.655.323.082	135.945.632.237
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	556.998.062.742	484.391.286.791
Vay vốn	6.861.222.240	69.010.794.260
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	5.386.135.200	45.386.131.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pickenza Việt Nam	-	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	-	2.149.576.020
Bà Cao Thị Hồng Liên	1.475.087.040	1.475.087.040

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng	3.537.840.346	1.768.170.477
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	523.001.093	290.886.149
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	3.014.839.253	1.477.284.327
Ứng trước cho nhà cung cấp	21.697.909.157	4.248.687.200
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	14.739.466.457	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.958.442.700	2.248.687.200
Phải trả người bán ngắn hạn	158.163.143.020	148.512.648.472
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	13.016.542.811	52.417.750.675
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	145.146.600.209	96.094.897.797
Vay	57.221.596.520	69.010.794.260
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	10.772.270.400	45.386.131.200
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	19.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pickenza Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	4.299.152.040	2.149.576.020
Bà Cao Thị Hồng Liên	2.950.174.080	1.475.087.040

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	202.500.000	506.223.203
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.459.188.152	2.808.501.225

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
		
Khúc Thị Minh Phương Người lập	Hà Thị Phương Thảo Kế toán trưởng	Nguyễn Văn Hội Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

HAI CHAU